

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 138
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún gạo nấu tôm tươi, giá, hẹ, su su, cải thìa.
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Canh thịt bò nấu rau ngót, nấm bào ngư.
- Cá cờ sốt cà chua, hành, ngò.
- Khô qua tây luộc
Xế: Bánh pudding.
Chiều: Miến nấu thịt gà, bắp mỹ, bông cải xanh, cải caron.

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cálm...)	1,000	6,280	62,800
2	0695	Dầu thực vật Tường An	800	3,140	25,120
3	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
4	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,400	79,200
5	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
6	0004	Gạo tẻ máy	7,500	2,560	192,000
7	0120	Hành lá (hành hoa)	300	5,250	15,750
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,720	21,800
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	150	6,300	9,450
10	0185	Tỏi ta	150	7,460	11,190
11	0653	Bún khô	20,000	495	99,000
12	0424	Tôm sú	1,800	32,550	585,900
13	0124	Hẹ lá	150	4,830	7,245
14	0118	Giá đậu xanh	300	2,730	8,190
15	0180	Su su	700	3,260	22,820
16	0097	Cải thìa (cải trắng)	400	5,040	20,160
17	0654	Phi lê cá cờ	6,500	21,950	1,426,750
18	0087	Cà chua	1,800	7,350	132,300
19	0168	Rau ngót	2,400	5,570	133,680
20	0286	Thịt bò loại II	1,300	37,280	484,640
21	N0778	Nấm bào ngư	500	12,600	63,000
23	0038	Miến dong	2,000	5,390	107,800
24	0371	Thịt gà công nghiệp (lườn/ức)	1,900	12,920	245,480
25	0007	Ngô bắp tươi	700	3,680	25,760
26	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	600	7,350	44,100
27	0098	Cải xanh	400	4,310	17,240

28	0646	Bánh pudding	5,520	11,800	651,360
29	0457	Sữa bột toàn phần	2,716.61	20,500	556,905
Tổng cộng					5,106,000

Tổng tiền thực phẩm	5,106,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,106,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	76,109,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	76,109,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Phuong

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Anh Phương

Ngô Thị Ngọc Lan